

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2022/DS-ST

Ngày: 13-4-2022

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Thanh Phong

Bà Nguyễn Thị Cẩm Giang

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thơ, thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Nguyễn – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 326/2021/TLST-DS ngày 09/12/2021 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-DS ngày 08/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2022/QĐST-DS ngày 28/3/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Ông Võ Thanh P, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Bà Lê Thị T, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện ngày 08/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Vào khoảng thời gian từ tháng 02/2019 đến tháng 11/2020, bà N có cho vợ chồng chị T, anh P vay nhiều lần với tổng số tiền là 65.000.000đồng, cụ thể như sau:

Ngày 18/3/2019 số tiền 10.000.000đồng;

Ngày 14/02/2019 số tiền 10.000.000đồng.

Ngày 21/11/2019 số tiền 15.000.000đồng

Ngày 20/4/2020 số tiền 10.000.000đồng;

Ngày 15/02/2020 số tiền 10.000.000đồng;

Ngày 22/11/2020 số tiền 10.000.000đồng.

Anh P và chị T vay tiền của bà N để cất nhà, trị bệnh cho anh P và chi tiêu trong gia đình. Thời hạn vay hai bên thỏa thuận miệng khi nào bà N cần lấy lại tiền thì báo cho anh P, chị T biết trước khoảng một tháng. Khi vay tiền chị T có làm biên nhận cho bà N giữ, chữ viết trong biên nhận là do chị T tự viết, ở mặt sau của trang giấy có viết “P (T)” là cũng do chị T viết.

Ngày tháng năm trong biên nhận vay tiền không theo thứ tự thời gian là do mỗi lần bà N cho chị T, anh P vay tiền là ghi một tờ giấy riêng, sau đó gộp lại viết thành một tờ và đã hủy bỏ các tờ riêng lẻ trước đó. Bà N khẳng định trong khoảng thời gian từ tháng 02/2019 đến thời điểm hiện tại thì anh P, chị T chỉ còn nợ bà N số tiền 65.000.000đồng theo tờ giấy viết tay do chị T viết và bà đã nộp cho Tòa án trong vụ kiện này, ngoài ra anh P, chị T không còn nợ bà khoản tiền nào khác.

Sau khi nhận tiền xong, đến khi bà N cần lấy lại tiền, bà N báo cho anh P, chị T rất nhiều lần nhưng anh P, chị T không trả tiền cho bà N.

Do đó, bà Nguyễn Thị N yêu cầu anh Võ Thanh P, chị Lê Thị T trả cho bà N số tiền đã vay là 65.000.000đồng. Yêu cầu trả khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, chị Lê Thị T trình bày:

Chị T và anh Võ Thanh P là vợ chồng, cưới nhau năm 1995 và có đăng ký kết hôn. Từ năm 2019 đến năm 2020, chị T có mượn của bà N nhiều lần tiền, nhưng không nhớ rõ từng lần mượn. Tổng số tiền chị T mượn bà N là 65.000.000đồng và chị T có viết biên nhận cho bà N, chính là biên nhận bà N nộp cho Tòa án. Chị T mượn tiền là để trị bệnh cho anh P, khi mượn tiền anh P đều biết, nhưng do lúc đó anh P nằm viện nên chỉ có một mình chị T nhận tiền từ bà N, nên số tiền 65.000.000đồng này là nợ chung của chị T và anh P. Hiện tại, chị T và anh P vẫn còn là vợ chồng và không có ly thân. Chị T đồng ý cùng anh P trả số tiền 65.000.000đồng cho bà N. Nhưng hiện nay do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả dần, có bao nhiêu trả bấy nhiêu.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh P, chị T đến tòa để tham gia phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa, nhưng anh P, chị T đều vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp chứng cứ gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà N.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định pháp luật. Trừ bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng mặc dù đã được tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện

kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu bị đơn chị Lê Thị T và anh Võ Thanh P liên đới trả cho bà N số tiền vay 65.000.000 đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Lê Thị T, anh Võ Thanh P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh P là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Bà N yêu cầu chị T, anh P trả số tiền đã vay 65.000.000, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp V, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu chị Lê Thị T, anh Võ Thanh P có nghĩa vụ trả số tiền vay 65.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn thì từ tháng 02/2019 đến tháng 11/2020, bà N có cho vợ chồng chị T, anh P vay nhiều lần với tổng số tiền là 65.000.000 đồng, cụ thể như sau: Ngày 18/3/2019 số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 14/02/2019 số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 21/11/2019 số tiền 15.000.000 đồng; Ngày 20/4/2020 số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 15/02/2020 số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 22/11/2020 số tiền 10.000.000 đồng. Thời hạn vay hai bên thỏa thuận miệng khi nào bà N cần lấy lại tiền thì báo cho anh P, chị T biết trước khoảng một tháng, chị T có làm biên nhận cho bà N giữ.

Căn cứ vào Tờ giấy viết tay bắt đầu bằng chữ “tôi tên là Lê thị T – SN 1977” và kết thúc bằng chữ “ngày 22/11/2020 – 10.000.000 (mười triệu)” do bà Nguyễn Thị N cung cấp; căn cứ vào lời khai của chị Lê Thị T tại Biên bản lấy lời khai ngày 29/12/2021 của Tòa án, chị T khai có nội dung: Từ năm 2019 đến năm 2020, chị T có mượn của bà N nhiều lần tiền nhưng không nhớ rõ từng lần mượn. Tổng số tiền chị T mượn bà N là 65.000.000 đồng và chị T có viết biên nhận cho bà N, chính là biên nhận bà N nộp cho Tòa án. Chị T đồng ý cùng anh P trả số tiền này cho bà N.

Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Võ Thanh P nhưng anh P vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì

đối với yêu cầu này của của bà N. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì xem như anh P không có phản đối gì đối với yêu cầu của bà N.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2019 đến tháng 11/2020, bà N có cho vợ chồng chị T, anh P vay nhiều lần với số tiền là 65.000.000đồng (cụ thể: Ngày 18/3/2019 số tiền 10.000.000đồng; Ngày 14/02/2019 số tiền 10.000.000đồng; Ngày 21/11/2019 số tiền 15.000.000đồng; Ngày 20/4/2020 số tiền 10.000.000đồng; Ngày 15/02/2020 số tiền 10.000.000đồng; Ngày 22/11/2020 số tiền 10.000.000đồng) và chị T, anh P chưa trả số tiền trên cho bà N. Do đó cần buộc anh P, chị T có nghĩa vụ trả số tiền vay 65.000.000đồng cho bà N.

[4] Xét yêu cầu của bà N về việc yêu cầu anh P liên đới cùng chị T trả số tiền vay 65.000.000 đồng cho bà N: Bà N cho rằng chị T vay tiền để cất nhà, trị bệnh cho anh P và chi tiêu trong gia đình. Chị T cũng thừa nhận vay tiền của bà N để trị bệnh cho anh P, chị T cho rằng đây là nợ chung của vợ chồng nên chị đồng ý cùng anh P trả 65.000.000đồng cho bà N và tại Biên bản xác minh ngày 09/02/2022, Trưởng ấp V, xã B, huyện C cho biết: Anh P và chị T là vợ chồng, thời điểm khoảng năm 2019-2020, anh P có bị bệnh và nằm bệnh viện điều trị bệnh, khi đó anh P và chị T còn chung sống hạnh phúc với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là nợ chung của vợ chồng anh P, chị T trong thời kỳ hôn nhân, nên yêu cầu của bà N về việc buộc anh P liên đới cùng chị T trả tiền cho bà N là có cơ sở chấp nhận.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc anh P liên đới cùng chị T trả cho bà N số tiền 65.000.000 đồng.

[5] Về thời gian trả tiền: Bà N yêu cầu chị T, anh P trả số tiền cho bà khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở vì phía chị T, anh P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà N nên Hội đồng xét xử buộc chị T, anh P trả cho bà N số tiền vay 65.000.000đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị N được Hội đồng xét xử chấp nhận nên chị T, anh P phải chịu án phí theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Xét ý kiến và lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, 92, 147, 220, 227, 228, 233, 235, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc chị Lê Thị T, anh Võ Thanh P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N tổng số tiền vay còn nợ là 65.000.000đồng (*Sáu mươi lăm triệu đồng*).

Thời gian thực hiện trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành án xong, nếu chị Lê Thị T, anh Võ Thanh P chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Chị Lê Thị T, anh Võ Thanh P phải chịu 3.250.000đồng (*Ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp là 1.625.000đồng (*Một triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0005256 ngày 08/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với chị Lê Thị T, anh Võ Thanh P vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Lĩnh